

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp
và kiểm lâm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp
và Môi trường tỉnh Thái Nguyên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 364/QĐ-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 976/TTr-SNNMT ngày 30/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên (có Phụ lục I kèm theo).

Điều 2. Bãi bỏ các thủ tục hành chính, cụ thể như sau:

1. Bãi bỏ thủ tục hành chính số 01, 02, 05, 08, 09, 13, 15, 17, 20, phần A, Phụ lục I được công bố tại Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

2. Bãi bỏ thủ tục hành chính số 01, 02, phần B, Phụ lục I được công bố tại Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

3. Bãi bỏ thủ tục hành chính số 04, phần A, Phụ lục I được công bố tại Quyết định số 206/QĐ-UBND ngày 07/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

4. Bãi bỏ thủ tục hành chính số 01, 03, phần B, Phụ lục I được công bố tại Quyết định số 2307/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

(có Phụ lục II kèm theo)

Điều 3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm công khai nội dung thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quy định; thực hiện tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo theo Quyết định này và Quyết định số 364/QĐ-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
 - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
 - Cục KSTTHC, Bộ Tư pháp;
 - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
 - Sở Khoa học và Công nghệ;
 - Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
 - Trung tâm Thông tin tỉnh;
 - Lưu: VT, HCC.
- Tungnt, QĐ/T02/2026

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Loan

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
1	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên	Không	- Nghị định số 156/2018/NDD-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Điều 2 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 9 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)	Một cửa
2	Điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục	Không	- Nghị định số 156/2018/NDD-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Điều 2 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 9	Một cửa

			vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên		Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)	
3	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên	Không	- Nghị định số 156/2018/NDD-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Điều 3 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 14 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)	Một cửa
4	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên	Không	- Nghị định số 156/2018/NDD-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Điều 5 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 17 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)	Một cửa
5	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái,	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải	Không	- Nghị định số 156/2018/NDD-CP	Một cửa

	nghi dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		quyết thủ tục hành chính: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên		ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Điều 6 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 23 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)	
6	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên	Không	- Nghị định số 156/2018/NDD-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Điều 10 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (bổ sung Điều 34b Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)	Một cửa
7	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính	Không	- Nghị định số 156/2018/NDD-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Điều 13 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 37 Nghị định số	Một cửa

	quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên		156/2018/NĐ-CP)	
8	Chuyển loại rừng đối với khu rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên	Không	- Nghị định số 156/2018/NDD-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 39 và Điều 40 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)	Một cửa
9	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	a) 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (<i>đối với trường hợp không phải lấy ý kiến của các bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng</i>); b) 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (<i>đối với trường hợp phải lấy ý kiến của các bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ</i>	Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên	Không	- Nghị định số 156/2018/NDD-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Điều 17 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)	Một cửa

		<i>Quốc phòng).</i>				
10	Điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	<p>a) 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (<i>đối với trường hợp không phải lấy ý kiến của các bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng</i>);</p> <p>b) 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (<i>đối với trường hợp phải lấy ý kiến của các bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng</i>).</p>	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên</p>	Không	<p>- Nghị định số 156/2018/NDD-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Điều 19 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 41b Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)</p>	Một cửa
11	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên</p>	Không	<p>- Nghị định số 156/2018/NDD-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Điều 20 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)</p>	Một cửa

12	Phê duyệt phương án sử dụng rừng để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên	Không	- Nghị định số 156/2018/NDD-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Điều 20 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)	Một cửa
13	Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên	Không	- Nghị định số 156/2018/NDD-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Điều 43 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 15 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP)	Một cửa
14	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng	09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại	Không	- Nghị định số 156/2018/NDD-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Điều 50 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa	Một cửa

	vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư		Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên		đổi, bổ sung Điều 31 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP)	
15	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	<p>- Trường hợp không có thông tin vi phạm: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp có thông tin vi phạm: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</p> <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên</p>	Không	<p>- Nghị định số 156/2018/NDD-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ;</p> <p>- Điều 54 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 9 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP)</p>	Một cửa
16	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	<p>- <i>Trường hợp không kiểm tra, xác minh:</i> 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>- <i>Trường hợp phải kiểm tra, xác minh:</i> 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p>	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</p> <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên</p>	Không	<p>- Nghị định số 156/2018/NDD-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ;</p> <p>- Điều 55 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 13 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP)</p>	Một cửa

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức có rừng trồng bị thiệt hại	Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên	Không	- Nghị định số 156/2018/NDD-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Điều 10 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (bổ sung Điều 34b Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)	Một cửa
2	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên	Không	- Nghị định số 156/2018/NDD-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Điều 13 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 37 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)	Một cửa
3	Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối	08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:	Không	- Nghị định số 156/2018/NDD-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ;	Một cửa

	với cá nhân		Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên		- Điều 20 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)	
4	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư	09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên	Không	- Nghị định số 156/2018/NDD-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Điều 50 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 31 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP)	Một cửa

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP
VÀ KIỂM LÂM THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố thủ tục hành chính
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
1	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên
2	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên
3	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên
4	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên
5	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	Quyết định số 206/QĐ-UBND ngày 07/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên

TT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố thủ tục hành chính
6	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên
7	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư	Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên
8	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên
9	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý	Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên
10	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên
II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ		
1	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	Quyết định số 2307/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên

TT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố thủ tục hành chính
2	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên
3	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên
4	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công	Quyết định số 2307/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên